

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 40 /2012/ND-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý
và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước,
tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

*Chính phủ ban hành Nghị định về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản,
vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước,
tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc in, đúc, bảo quản, vận chuyển, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền giấy, tiền kim loại (sau đây gọi tắt là tiền); bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài; chi phí cho các hoạt động nghiệp vụ phát hành tiền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).
2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Cơ sở in, đúc tiền; Kho bạc Nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tiền mặt" là các loại tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành.
2. "Tiền mới chưa phát hành" là các loại tiền giấy, tiền kim loại đã được in, đúc và dự trữ tại các kho tiền của Ngân hàng Nhà nước nhưng chưa được phép phát hành vào lưu thông.
3. "Tiền đình chỉ lưu hành" là các loại tiền giấy, tiền kim loại không còn giá trị lưu hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
4. "Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông" là các loại tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành, đang lưu hành nhưng bị rách nát, hư hỏng hay biến dạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. "Tài sản quý" bao gồm: Vàng, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ tiền mặt và các loại tài sản quý khác.
6. "Cơ sở in, đúc tiền" là tổ chức có hoạt động in, đúc tiền trong và ngoài nước thực hiện việc thiết kế, chế bản và in, đúc tiền theo hợp đồng với Ngân hàng Nhà nước.

Chương II IN, ĐÚC, PHÁT HÀNH TIỀN

Mục 1 IN, ĐÚC TIỀN

Điều 4. In, đúc tiền đang lưu hành và in, đúc tiền mới chưa phát hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước căn cứ dự báo nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế, nhu cầu tiền dự trữ phát hành, nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông hàng năm để quyết định cơ cấu, số lượng, giá trị tiền đang lưu hành cần in, đúc thêm.
2. Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự án in, đúc các loại tiền mới chưa phát hành để bổ sung, thay thế tiền trong lưu thông trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Dự án phải bao gồm thiết kế mẫu về mệnh giá, kích thước, trọng lượng, hình vẽ, hoa văn và các đặc điểm khác của các loại tiền mới này.

Điều 5. Thiết kế mẫu tiền

1. Ngân hàng Nhà nước tổ chức việc thiết kế mẫu tiền bảo đảm có tính thẩm mỹ cao, dễ nhận biết, thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc, phù hợp với xu hướng thiết kế mẫu tiền trên thế giới.

2. Việc thiết kế mẫu tiền phải phù hợp với vật liệu in, đúc, công nghệ chế bản và in, đúc tiền; bảo đảm độ bền, khả năng chống giả cao; thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản và xử lý tiền.

3. Ngân hàng Nhà nước là chủ sở hữu quyền tác giả đối với mẫu thiết kế các loại tiền đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Họạ sỹ trực tiếp sáng tác mẫu tiền đã được phê duyệt được công nhận là tác giả hoặc đồng tác giả và được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 6. Chế bản in, đúc tiền

1. Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện chế bản in, đúc các loại tiền, bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Thể hiện đúng, đầy đủ nội dung thiết kế mẫu tiền đã được phê duyệt;
- b) Đúng với tiêu chuẩn kỹ thuật mỗi loại tiền.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc cài đặt các yếu tố bảo an trên đồng tiền nhằm tăng cường khả năng chống giả.

Điều 7. Tổ chức và quản lý việc in, đúc tiền

Ngân hàng Nhà nước tổ chức việc in, đúc tiền theo nguyên tắc:

1. Việc in, đúc tiền được thực hiện theo hợp đồng giữa Ngân hàng Nhà nước và các cơ sở in, đúc tiền trên cơ sở kế hoạch in, đúc tiền và tiêu chuẩn kỹ thuật từng loại tiền do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra chất lượng các loại tiền trước khi cơ sở in, đúc tiền giao cho Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp thực hiện chế bản in, tạo khuôn đúc và in, đúc tiền Việt Nam ở nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cơ sở in, đúc tiền quản lý từng loại tiền in, đúc; hướng dẫn và giám sát các cơ sở in, đúc tiền thực hiện tiêu hủy các loại giấy in tiền hồng, sản phẩm in, đúc hồng.

Điều 8. Thực hiện in, đúc tiền

1. Cơ sở in, đúc tiền chuẩn bị và chịu trách nhiệm quản lý an toàn các loại thiết bị, vật tư, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho việc in, đúc tiền theo hợp đồng.

2. Cơ sở in, đúc tiền trong nước xây dựng quy trình công nghệ in, đúc tiền trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

3. Cơ sở in, đúc tiền trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt mẫu in, đúc thử: bản in gốc, khuôn đúc gốc trước khi tổ chức in, đúc chính thức.

4. Cơ sở in, đúc tiền bảo đảm số lượng, chất lượng tiền in, đúc ổn định theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại tiền đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

5. Cơ sở in, đúc tiền không được sử dụng vật tư chuyên dùng in, đúc tiền Việt Nam để sản xuất các sản phẩm khác nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

6. Cơ sở in, đúc tiền bảo đảm bí mật các thông tin liên quan đến in, đúc tiền theo quy định.

Mục 2 PHÁT HÀNH TIỀN

Điều 9. Quản lý Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành

1. Ngân hàng Nhà nước lập Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

a) Quỹ dự trữ phát hành được quản lý ở các kho tiền Trung ương và các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

b) Quỹ nghiệp vụ phát hành được quản lý tại kho tiền Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước và các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

2. Nguồn hình thành Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành:

a) Quỹ dự trữ phát hành bao gồm:

- Tiền mới in, đúc nhập từ các cơ sở in, đúc tiền;
- Tiền nhập từ Quỹ nghiệp vụ phát hành.

b) Quỹ nghiệp vụ phát hành bao gồm:

- Tiền nhập từ Quỹ dự trữ phát hành;
- Tiền thu từ lưu thông.

Điều 10. Công bố phát hành loại tiền mới

1. Căn cứ nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế và yêu cầu ổn định tiền tệ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phát hành các loại tiền mới, bao gồm các nội dung:

a) Mệnh giá các loại tiền mới phát hành;

b) Thời điểm và hình thức phát hành tiền mới.

2. Ngân hàng Nhà nước tổ chức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về:

a) Chủ trương của Chính phủ về phát hành các loại tiền mới;

b) Hình thức, thời gian phát hành các loại tiền mới;

c) Mệnh giá, kích thước, trọng lượng và các đặc điểm khác của từng loại tiền mới.

Điều 11. Phát hành tiền

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện phát hành tiền vào lưu thông và thu tiền từ lưu thông về thông qua hoạt động thu, chi tiền mặt và các hoạt động nghiệp vụ khác của Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiền mặt cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Kho bạc Nhà nước trên cơ sở số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Tuyển chọn, phân loại tiền

1. Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức tuyển chọn, phân loại, xử lý tiền.

2. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, kiểm tra việc tuyển chọn, phân loại, xử lý tiền.

Chương III

BẢO QUẢN TIỀN, TÀI SẢN QUÝ VÀ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 13. Nguyên tắc bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá

1. Tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được bảo quản trong kho tiền; được phân loại, kiểm đếm, đóng gói, niêm phong và được sắp xếp riêng ở từng khu vực trong kho tiền.

2. Kho tiền được canh gác, bảo vệ thường xuyên, đảm bảo an toàn 24 giờ/ngày.

Điều 14. Trách nhiệm bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá

1. Cơ sở in, đúc tiền chịu trách nhiệm bảo quản an toàn tiền mới in, đúc chưa giao cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm bảo quản các loại tiền mới chưa phát hành, tiền đang lưu hành (bao gồm cả tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông), tiền đình chỉ lưu hành, tài sản quý và giấy tờ có giá trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá do mình quản lý.

4. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, kiểm tra việc bảo quản tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá.

Điều 15. Xây dựng và quản lý kho tiền

1. Ngân hàng Nhà nước ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền, chế độ quản lý kho tiền trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng Nhà nước xây dựng các kho tiền trung ương và các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố để bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá do mình quản lý.

3. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xây dựng hệ thống kho tiền để bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá do mình quản lý.

Chương IV VẬN CHUYỂN TIỀN, TÀI SẢN QUÝ VÀ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 16. Phạm vi, trách nhiệm tổ chức vận chuyển

1. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá:

a) Từ các cơ sở in, đúc tiền, sân bay, bến cảng, nhà ga về các kho tiền trung ương và ngược lại;

b) Giữa các kho tiền trung ương;

c) Giữa các kho tiền trung ương với các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

d) Giữa các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá thuộc tài sản do mình quản lý, giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với nhau

và giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Nguyên tắc vận chuyển

Việc vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm các nguyên tắc:

1. Phải có lệnh điều chuyển của cấp có thẩm quyền.
2. Vận chuyển bằng xe chuyên dùng hoặc phương tiện vận chuyển khác bảo đảm an toàn.
3. Bố trí đủ nhân lực áp tải, bảo vệ trong các chuyến vận chuyển.
4. Giữ bí mật kế hoạch và quá trình vận chuyển.
5. Tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá khi vận chuyển phải được đóng gói, niêm phong và được bảo quản an toàn.

Điều 18. Vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá

1. Ngân hàng Nhà nước thành lập các đội xe làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá thuộc phạm vi mình quản lý và được trang bị xe chuyên dùng, các phương tiện kỹ thuật cần thiết.
2. Ngân hàng Nhà nước quy định tiêu chuẩn kỹ thuật xe chuyên dùng, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng; hướng dẫn, kiểm tra việc vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 19. Bảo vệ việc vận chuyển

1. Bộ Công an tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn các chuyến vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước.
2. Các trạm kiểm soát, các đội tuần tra cơ động thuộc các lực lượng bảo vệ pháp luật không được khám xét dọc đường đối với xe và các phương tiện vận chuyển chuyên dùng đang làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Các phương tiện làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước được ưu tiên đi trong giờ cao điểm, qua các cầu, phà và vào các đường cấm.
4. Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý kịp thời những sự cố xảy ra

trong các chuyển vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn.

Chương V **THU HỒI, THAY THẺ VÀ TIÊU HỦY TIỀN**

Mục 1 **THU HỒI, THAY THẺ TIỀN**

Điều 20. Thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông

1. Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước tổ chức việc thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định tiêu chuẩn tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; thu, đổi các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định này.

Điều 21. Thu hồi, thay thế tiền

1. Công bố thu hồi và thay thế tiền

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đình chỉ lưu hành và thay thế các loại tiền trong lưu thông. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về:

a) Chủ trương của Chính phủ về đình chỉ lưu hành và thu hồi tiền đình chỉ lưu hành từ lưu thông; thay thế một phần hay toàn bộ các loại tiền đang lưu hành.

b) Hình thức, thủ tục, thời hạn thu hồi các loại tiền đình chỉ lưu hành.

2. Thu hồi, thay thế tiền

a) Ngân hàng Nhà nước tổ chức thu hồi các loại tiền đình chỉ lưu hành theo quy định.

b) Các loại tiền thu hồi được đổi lấy các loại tiền khác với giá trị tương đương trong thời hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định.

c) Việc phát hành các loại tiền khác thay thế thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Mục 2 **TIÊU HỦY TIỀN**

Điều 22. Tiền tiêu hủy

Tiền tiêu hủy bao gồm:

1. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.
2. Tiền đình chỉ lưu hành.

Điều 23. Tổ chức và quản lý tiêu hủy tiền

1. Sau khi tiêu hủy, tiền tiêu hủy phải bảo đảm không thể khôi phục để sử dụng lại như tiền.
2. Việc tiêu hủy tiền phải đảm bảo an toàn tuyệt đối, bảo đảm bí mật nhà nước.
3. Ngân hàng Nhà nước tổ chức và hướng dẫn việc tiêu hủy tiền, giám sát tiêu hủy tiền; tổ chức hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng, chủng loại tiền tiêu hủy.

Điều 24. Hạch toán tiền bán phế liệu

Tiền thu từ bán phế liệu tiêu hủy tiền được hạch toán vào khoản thu nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VI CHI PHÍ IN, ĐÚC, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN, PHÁT HÀNH, THU HỒI, THAY THẾ VÀ TIÊU HỦY TIỀN

Điều 25. Chi phí thường xuyên

Chi phí thường xuyên hàng năm cho việc in, đúc, bảo quản, vận chuyển, phát hành, thu hồi, thay thế và tiêu hủy tiền được thực hiện và quản lý theo Luật ngân sách nhà nước và chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 26. Chi phí in, đúc tiền mới

Chi phí liên quan đến việc in, đúc các loại tiền mới chưa phát hành được hạch toán riêng theo dự án được Chính phủ phê duyệt. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý, kiểm tra theo chế độ bảo mật và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về nội dung các khoản chi, đồng gửi Bộ Tài chính.

Chương VII TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 27. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Tổ chức thực hiện việc thiết kế, in, đúc, phát hành, thu hồi, thay thế, phân loại và tiêu hủy tiền; bảo quản, vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 23 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Hướng dẫn về chế độ điều hoà tiền mặt trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, giao dịch tiền mặt, dịch vụ ngân quỹ, chế độ kế toán, thống kê phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Kiểm tra việc thực hiện nghiệp vụ in, đúc và tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước.

2. Kiểm tra hệ thống Kho bạc Nhà nước thực hiện những quy định có liên quan tại Nghị định này.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Bảo đảm an ninh, an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước về nghiệp vụ phát hành tiền, bảo quản, vận chuyển tài sản quý, giấy tờ có giá và bảo vệ kho tiền Ngân hàng Nhà nước, kho tiền của các cơ sở in, đúc tiền.

2. Chỉ đạo công an các cấp chủ trì và phối hợp với Ngân hàng Nhà nước điều tra, xử lý đối với các hành vi huỷ hoại tiền; làm, vận chuyển, tàng trữ, lưu hành tiền giả.

3. Tổ chức giám định đối với hiện vật nghi là tiền giả, tiền bị huỷ hoại khi được yêu cầu.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ an toàn kho tiền và các chuyển vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn.

2. Chỉ đạo các ngành chuyên môn tuyên truyền, vận động nhân dân có ý thức giữ gìn, bảo vệ đồng tiền Việt Nam; chống hành vi huỷ hoại tiền; làm, vận chuyển, tàng trữ, lưu hành tiền giả.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2012.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 81/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền

giấy, tiền kim loại; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống ngân hàng và Nghị định số 87/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về phát hành, thu hồi và thay thế tiền giấy, tiền kim loại.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). M.Cường **90**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng